

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-3-2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tạ Văn Đài.

2. Ông Đặng Quang Hoạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Kim T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 188 quốc lộ 1A, ấp TB, xã BM, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 188 quốc lộ 1A, ấp TB, xã BM, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Kim T trình bày:

Bà T và ông T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2013 tại UBND xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nay bà T xin ly hôn với ông T1 do mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T1 không còn chung thủy.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 11/11/2014 và Nguyễn Tú L, sinh ngày 29/5/2017. Ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt nên không có trình bày.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Kim T. Cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 11/11/2014 và Nguyễn Tú L, sinh ngày 29/5/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông T nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự trong vụ án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt không có lý do; đối với bà Phạm Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Kim T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập

ông T1 đến Tòa án để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà T, ông T1 không còn không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T xin ly hôn với ông T1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà T, ông Tình có 02 người con chung tên Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 11/11/2014 và Nguyễn Tú L, sinh ngày 29/5/2017. Xét ý kiến của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 cháu H và L cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông Tình không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông Tình nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Phạm Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 11/11/2014 và Nguyễn Tú L, sinh ngày 29/5/2017 cho bà Phạm Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Phạm Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0007063 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom (Giấy CNKH số 65/2013, quyền số 1/2013, năm 2013);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN BÁ ĐỨC**